



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THỦY CHUNG – THUY CHUNG AUDITING CO., LTD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN AUDIT REPORT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015
TRUNG TÂM THIỆN CHÍ**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015
TRUNG TÂM THIỆN CHÍ

Số: 174

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 04 năm 2016

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NIÊN KHOÁ KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015**

Kính gửi: BAN GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM THIỆN CHÍ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Quý Trung Tâm lập ngày 31/12/2015 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh và Thuyết minh báo cáo tài chính của Quý Công ty từ trang 03 đến trang 09 đính kèm báo cáo kiểm toán này.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Quý Trung Tâm. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và quốc tế được Việt Nam thừa nhận. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc lập kế hoạch kiểm toán và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Và đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực kế toán được chấp nhận, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính được soạn thảo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quý Trung Tâm vào ngày 31/12/2015 phù hợp với những chuẩn mực kế toán Quốc tế đối với các tổ chức phi lợi nhuận.

Kính chào trân trọng

PHÓ GIÁM ĐỐC – KIỂM TOÁN VIÊN



PHẠM GIA BẢO NGỌC
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
1267-2013-013-1

KIỂM TOÁN VIÊN

VÕ THỊ LINH CHI
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số:
1838-2013-013-1

187
CỘNG HÒA
KIỂM
HUY
- 7.1

TRUNG TÂM THIÊN CHÍ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2015

Mã	KHOẢN MỤC	Tại 31/12/2015	Tại 31/12/2014
TÀI SẢN			
Tài sản cố định			
010	Tài sản cố định vô hình - Giá trị cửa hàng		
014	Tài sản cố định vô hình - khác		
028	Tài sản cố định hữu hình	1,136,882,250	1,342,575,590
028a	Khấu hao lũy kế	(837,698,250)	(941,943,340)
040	Tài sản tài chính (cho vay)	7,213,125,000	7,475,130,000
044	Tổng tài sản (I)	7,512,309,000	7,875,762,250
Tài sản lưu động (II)			
050	Nguyên vật liệu, hàng hóa dở dang tồn kho	1,280,800,336	1,383,118,181
060	Hàng hoá tồn kho		
064	tiền ứng trước theo đơn đặt hàng		
068	Trái quyền khách hàng và các TK liên quan khác		
072	Các trái quyền khác	3,433,985,601	4,679,604,822
084	Tiền gửi ngân hàng	5,715,303,399	6,437,987,806
088	Tiền tại quỹ	9,570,125	13,305,729
092	Chi phí trả trước		
096	Cộng II	10,439,659,461	12,514,016,538
110	TỔNG CỘNG (I+II)	17,951,968,461	20,389,778,788
Vốn hoạt động			
120	Vốn xã hội hay cá nhân	6,243,542,392	6,243,542,392
124	Chênh lệch về đánh giá lại		
126	Dự trữ pháp định		
130	Dự phòng theo quy định		
132	Dự trữ khác		
134	Chuyển sang niên độ mới	12,898,879,357	7,569,920,494
136	Kết quả niên độ	-2,746,200,812	5,328,958,863
140	Dự phòng theo quy định		
142	Tổng vốn hoạt động (I)	16,396,220,937	19,142,421,749
NỢ			
154	Dự phòng rủi ro và chi phí		
156	Tiền vay và các khoản nợ liên quan		
164	Tạm ứng và trả trước theo đơn đặt hàng		
166	Phải trả nhà cung cấp và các khoản liên quan		
172	Các khoản nợ khác	1,555,747,524	1,247,357,039
174	Lợi tức nhận trước		
176	Cộng II	1,555,747,524	1,247,357,039
180	TỔNG CỘNG (I+II)	17,951,968,461	20,389,778,788

TP HCM Ngày 31 tháng 12 năm 2015

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chân

TRUNG TÂM THIÊN CHÍ

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015

Mã	Diễn giải	Năm 2015	Năm 2014
THU NHẬP			
70	Bán sản phẩm	3,292,244,574	2,810,789,784
701	Bán sản phẩm	3,288,224,574	2,808,119,784
703	Bán tài sản	4,020,000	2,670,000
71	Cung cấp dịch vụ		
72	Đánh giá lại tài sản		
74	Trợ cấp hoạt động	10,590,753,791	19,083,051,819
741	Trợ cấp từ các nhà tài trợ	10,477,269,791	18,943,650,119
778	Trợ cấp khác	113,484,000	139,401,700
76	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	363,851,777	305,730,204
766	Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	35,425,773	9,550,556
768	Lãi ngân hàng	23,698,254	25,407,148
768a	Lãi tín dụng	304,227,750	270,772,500
Tổng thu nhập		14,246,350,142	22,199,571,807
CHI PHÍ			
60	Mua vật liệu	3,494,831,387	3,170,212,835
601	Mua nguyên liệu	3,288,224,574	2,951,573,407
(*)	Mua vật liệu khác, công cụ nhỏ	158,900,150	162,548,000
606	Mua năng lượng	47,706,663	56,091,428
61	Chi phí dịch vụ	5,537,800,854	5,783,518,069
613	Chi phí cư trú	171,871,800	137,761,800
615	Chi phí sửa chữa, nhiên liệu	641,451,392	777,547,868
617	Chi phí đào tạo & dụng cụ, VPP	4,357,228,450	4,477,938,611
618	Chi phí khác	367,249,212	390,269,790
62	Chi phí di chuyển và dịch vụ khác	273,185,471	290,346,312
64	Chi phí nhân viên	7,249,015,634	6,888,193,414
65	Chi phí quản lý khác	-	-
66	Chi phí tài chính	2,162,110	1,821,212
66a	Chi phí thanh lý tài sản	-	-
69	Chi phí chênh lệch tỷ giá	91,618,248	135,302,102
67	Chi phí khác	209,400,000	387,100,000
68	Chi phí khấu hao tài sản	134,537,250	214,119,000
Tổng chi phí		16,992,550,954	16,870,612,944
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		(2,746,200,812)	5,328,958,863
Thuế thu nhập			
LỜI / LỖ		(2,746,200,812)	5,328,958,863

(*) Số công của TK 602,605
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Chân

MỘT SỐ SỐ

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT TỈNH BÌNH THUẬN
TRUNG TÂM HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG
THIỆN CHÍ

Km08 QL01 Hàm Mỹ -Hàm Thuận Nam ĐT/Fax:: (062 3899224) Email:thichico@vnn.vn www.thienchi.org

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2015

1. Đặc điểm của đơn vị

Hình thức: Trung tâm hỗ trợ và phát triển cộng đồng Thiện Chí (gọi tắt TT Thiện Chí) là một Tổ chức xã hội, trực thuộc Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Bình Thuận theo quyết định số 165/QĐ/LHH ngày 08 tháng 12 năm 2005.

Lĩnh vực hoạt động: Tư vấn, đào tạo và hỗ trợ phát triển nông thôn

Phạm vi hoạt động: Tỉnh Bình Thuận

2. Hình thức tổ chức sổ sách: Dùng phần mềm WBILAN của Công ty phần mềm kế toán COTE QUEST - FRANCE dùng để theo dõi Quỹ tài trợ và hoạt động được ghi trong giấy phép số 165/QĐ/LHH ngày 08 tháng 12 năm 2005.

3. Các chỉ tiêu tài chính:

Các chỉ tiêu tài chính dưới đây đã và đang được thực hiện tại Tỉnh Bình Thuận

3.1. Tài sản hoạt động

Tài sản bao gồm tất cả giá trị dụng cụ làm việc có giá trị lớn hơn 30.000.000 đồng. Một số tài sản được thanh lý do không còn giá trị sử dụng cũng như trước đây đã không thực hiện việc khấu hao tài sản:

ĐVT: VND

31-12-2015	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh tăng	Số phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
TS và dụng cụ làm việc	1.342.575.590	33.089.000	238.782.340	1.136.882.250
<i>Tại Đức Linh</i>	56.438.000			56.438.000
<i>Tại Thiện Chí</i>	7.842.000			7.842.000
<i>Tại Tánh Linh</i>	67.010.000			67.010.000
<i>Tại Hàm Thuận Nam</i>	43.040.000		1.500.000	41.540.000
<i>Trung Tâm vì tính TLinh</i>	263.901.000	33.089.000		296.990.800
<i>Tại trung tâm vì tính DL</i>	387.278.590		172.202.340	215.076.250
<i>Tại trung tâm vì tính HTN</i>	517.066.000		65.080.000	451.986.000

3.2. Khấu hao tài sản

Tổng số tiền khấu hao năm 2015 là: **134.537.250đ**

3.3. Tình hình nhân viên

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng số nhân viên (người) :	63	70
Tổng thu nhập của nhân viên (đ):	5.592.008.084	5.419.932.163
Bình quân thu nhập (đồng/người/tháng):	7.396.836	6.450.000

Chính sách tăng lương hàng năm vẫn không thay đổi. Tuy nhiên bình quân thu nhập năm 2015 tăng 14,68% so với năm 2014 do chính sách tăng lương 2 lần/năm của tổ chức và mức tăng lạm phát trong năm 2015.

TT Thiện Chí có chính sách cho nhân viên mượn tiền quỹ bảo hiểm xã hội (không mượn quá 70% quỹ bảo hiểm xã hội của mình có) trả dần hàng tháng. Tổng số tiền nhân viên tạm ứng đến ngày 31/12/2015 là: 345.650.000 đồng.

Từ năm 2008, TT Thiện Chí đã tham gia chế độ BHXH cho toàn thể nhân viên.

3.4. Hoạt động cấp vốn

Hoạt động cấp vốn vẫn được thực hiện tốt, tiền cấp vốn hỗ trợ kinh tế được nâng lên tới mức tối đa là 5.000.000đ. Bên cạnh đó để tạo công ăn việc làm cho người dân, dự án cũng tiếp tục hỗ trợ cho các cá nhân được mượn tới mức tối đa là 25.000.000đ với phí cho mượn là 0,5%/tháng. Năm 2015, dự án tập trung vào chương trình hộ khó khăn cho mượn vốn và tính phí quản lý 0,5% từ vòng 7 trở lên cho những hộ có hoàn cảnh tương đối khá và có nhu cầu cấp vốn để chăn nuôi, trồng trọt hay buôn bán nhỏ.

Tình hình nợ tín dụng như sau:

3.4.1. Cấp vốn

	Tổng cộng	Chương trình kinh tế
Tại ngày 31/12/2015	VND	VND
Cấp vốn cho hộ khó khăn mượn	7.213.225.000	7.213.225.000
Đức Linh	3.756.600.000	3.756.600.000
Tánh Linh	2.366.825.000	2.366.825.000
Hàm Thuận Nam	1.089.800.000	1.089.800.000

3.4.2. Thu nhập từ hoạt động cấp vốn năm 2015:

- Thu lãi từ tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn: 23.698.254 VND
- Thu phí từ hoạt động cấp vốn: 304.227.750 VND

3.4.3. Thu nhập khác

- Thu lãi từ tiền quỹ bảo hiểm xã hội cho mượn: 39.051.000 VND
- Thu khác: 74.433.000 VND

3.5. Chi phí cho hoạt động

Chi tiết các khoản chi trong năm 2015 như sau:

Nội dung chi phí		Số tiền (VNĐ)
1. Chi phí nguyên liệu:		3.288.224.574
1.1 Chi phí hàng thủ công	1.562.437.772	
1.2 Chi phí hàng xe đạp tre	1.725.786.802	
2. Chi phí vật liệu khác, công cụ nhỏ		158.900.150
2.1 Chi phí văn phòng phẩm	29.387.850	
2.2 Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	121.207.300	
2.3 Chi phí máy vi tính trường học	8.305.000	
3. Chi phí năng lượng :		47.706.663
3.1 Chi phí gaz, điện , nước:	47.706.663	
4. Chi phí cư trú:		171.871.800
4.1 Chi phí thuê văn phòng, vật dụng văn phòng	171.871.800	
5. Chi phí sửa chữa, nhiên liệu:		641.451.392
5.1 Chi phí xăng xe và sửa chữa xe cho nhân viên công tác	641.451.392	
6. Chi phí đào tạo & dụng cụ ,văn phòng phẩm		4.992.468.912
6.1 Chi phí ngày 31/05 (Ngày không hút thuốc lá)	99.693.000	
6.2 Chi phí tập huấn, họp nhóm hộ khó khăn	60.383.520	
6.3 Chi phí tập huấn cộng tác viên	87.819.900	
6.4 Chi phí tập huấn lớp nông nghiệp và thú y	80.714.700	
6.5 Chi phí tập huấn cộng tác viên, nhân viên		
6.6 Chi phí tham quan chương trình nông nghiệp	33.400.000	
6.7 Chi phí làm mô hình chương trình nông nghiệp	67.612.500	
6.8 Chi phí mua dụng cụ, con giống chương trình nông nghiệp	14.782.500	
6.9 Chi phí photo tài liệu tập huấn nông nghiệp	4.921.700	
6.10 Chi phí hội thảo mô hình, hội thi	44.446.400	
6.11 Chi phí vật liệu giáo dục	192.775.220	
6.12 Chi phí tập huấn y tế học đường	851.009.840	
6.13 Chi mua thiết bị cho trường học	168.913.500	
6.14 Chi phí thuốc và thuốc tẩy giun cho trường học		
6.15 Chi cấp học bổng	1.127.127.000	
6.16 Chi phí cho đối tác	131.183.200	
6.17 Chi phí đào tạo nhân viên	181.604.000	

6.18 Chi phí tập huấn QPN nhóm phụ nữ TVL	252.000	
6.19 Chi phí tập huấn đội kịch	-	
6.20 Chi phí mua thuốc hó hấp	8.335.000	
6.21 Chi phí mua thuốc tắm màng chống bệnh sốt rét		
6.22 Chi phí hồ xí sạch cộng đồng	230.569.000	
6.23 Chi phí xử lý rác	221.202.000	
6.24 Chi phí kiểm toán	26.011.540	
6.25 Chi phí thẩm định mở rộng dự án		
6.26 Chi phí tập huấn phụ nữ	406.233.930	
6.27 Chi phí cho hệ khô khăn	291.303.212	
6.28 Chi phí cầu đường	209.400.000	
6.29 Chi phí thu gom bao nylon	-	
6.30 Tập huấn hàng thủ công	315.489.700	
6.31 Chi phí cho tình nguyện viên	2.748.000	
6.32 Tập huấn cho trung tâm vi tính	-	
6.33 Chi phí lỗ bán tài sản	-	
6.34 Chi phí khấu hao tài sản	134.537.250	
6.35 Chi phí rủi ro tín dụng	-	
7. Chi phí khác :		75.946.000
7.1 Chi phí linh tinh	75.946.000	
8. Chi phí di chuyển và dịch vụ khác :		273.185.471
8.1 Chi phí vận chuyển	12.565.000	
8.2 Chi phí công tác nhân viên	58.373.000	
8.3 Chi phí điện thoại, fax, gửi thư	202.247.471	
9. Chi phí nhân viên :		7.249.015.634
9.1 Chi phí lương nhân viên	5.592.008.084	
9.2 Chi phí lương và chi khác cho CTV	906.649.400	
9.3 Chi phí bảo hiểm tai nạn cho nhân viên	64.541.000	
9.4 Chi phí BHXH cho nhân viên	685.817.150	
10. Chi phí tài chính:		93.780.358

10.1 Chi phí ngân hàng 93	220.000	
10.2 Chi phí ngân hàng 94	434.431	
10.3 Chi phí ngân hàng 95	294.976	
10.4 Chi phí ngân hàng 96	291.209	
10.5 Chi phí ngân hàng 16	-	
10.6 Chi phí tài chính	921.494	
10.7 Chênh lệch tỷ giá	91.618.248	
11. Chi phí tài trợ:		0
11.1 Tài trợ cho Tánh linh	-	
11.2 Tài trợ cho Hàm Thuận Nam	-	
10. Chi phí khác :		0
10.1 Chi phí khác	-	
Tổng cộng		16.992.550.954

4. Nguồn tài trợ

Các nguồn tài trợ nhận được năm 2015

STT	Tên Tổ Chức Tài Trợ	VND
1	Nhận từ tài trợ từ Ngân hàng HSBC	123.859.000
2	Nhận tài trợ từ tổ chức Mekong Plus	10.152.942.943
3	Nhận tài trợ từ tổ chức Sharing International	11.106.385
4	Nhận tài trợ từ Gerard Hilteer	27.336.000
5	Nhận tài trợ từ Đại sứ quán Mỹ	19.200.600
6	Nhận tài trợ từ Social Enterprise Grant	101.829.100
7	Nhận tài trợ cá nhân	40.995.763
	TỔNG CỘNG	10.477.269.791

Phan Thiết, ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giám đốc



Nguyễn Văn Thân

